

Bản án số: 72/2018/DS-PT

Ngày 11 - 4 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 và 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Kim M, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Ấp MG, xã VKĐ, huyện AM, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Đồng bị đơn:* Bà Bùi Ngọc Y, sinh năm: 1973 và ông Phạm Văn T, sinh năm: 1969. Cùng địa chỉ: Ấp MG, xã VKĐ, huyện AM, tỉnh Kiên Giang (Bà Y có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Bùi Ngọc Y, sinh năm: 1973 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2017) - (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn: Luật sư Nguyễn Tấn T - Chi nhánh Văn phòng luật sư PVC, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- NLQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ: Bà Tô Kim M, sinh năm: 1974 (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Tô Kim M và bị đơn bà Bùi Ngọc Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tô Kim M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền NLQ trình bày:

Năm 2012 đến năm 2013, bà có tổ chức chơi hội, vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T có tham gia góp các phần hội cụ thể như sau:

1. Ngày 15/01/2012 *âl (dây thứ nhất)* hội 3.000.000 đồng, gồm có 31 chân, mỗi tháng khai hội một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân, đóng hội sống được 12 lần, đến lần thứ 13 hốt hội với số tiền 39.550.000 đồng. Bà Y và ông T có góp hội chết 11 lần, thì không góp nữa, còn nợ lại 07 lần chưa góp x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng (*Dây hội này mãi vào ngày 15/6/2014 âl*).

2. Ngày 15/01/2012 *âl (dây thứ hai)* hội 3.000.000 đồng, gồm có 27 chân, mỗi tháng khai hội một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân, đã hốt hội lần đầu tiên với số tiền 45.350.000 đồng. Bà Y và ông T có góp hội chết 24 lần, thì không góp nữa, còn nợ lại 03 lần chưa góp x 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng (*Dây hội này mãi vào ngày 15/02/2014 âl*).

3. Ngày 15/01/2012 *âl (dây thứ ba)* hội 1.000.000 đồng, gồm có 28 chân, mỗi tháng khai hội một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân, đóng hội sống được 6 lần, thì hốt hội với số tiền 17.480.000 đồng. Bà Y và ông T có góp hội chết và còn nợ lại 04 lần chưa góp x 1.000.000 đồng = 4.000.000 đồng (*Dây hội này mãi vào ngày 15/3/2014 âl*).

4. Ngày 25/5/2012 *âl (dây hội số 01)* hội 3.000.000 đồng, gồm có 34 chân, mỗi tháng khai hội một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân, đóng hội sống đến lần thứ 3, thì hốt hội với số tiền 49.450.000 đồng. Bà Y và ông T có góp hội chết và còn nợ lại 16 lần chưa góp x 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng (*Dây hội này mãi vào ngày 25/02/2015 âl*).

5. Ngày 25/5/2012 *âl (dây hội số 02)* hội 3.000.000 đồng, gồm có 34 chân, mỗi tháng khai hội một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân, đóng hội sống đến lần thứ 5, thì hốt hội với số tiền 58.350.000 đồng. Bà Y và ông T có góp hội chết và còn nợ lại 16 lần chưa góp x 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng (*Dây hội này mãi vào ngày 25/02/2015 âl*).

6. Ngày 25/5/2012 *âl (dây hội số 02)* hội 1.000.000 đồng, gồm có 33 chân, mỗi tháng khai hội một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân và hốt hội lần đầu

tiền với số tiền 18.700.000 đồng. Bà Y và ông T có góp hụi chết và còn nợ lại 15 lần chưa góp x 1.000.000 đồng = 15.000.000 đồng (*Dây hụi này mẫn vào ngày 25/01/2015 âl*).

7. Ngày 30/02/2013 âl, hụi 3.000.000 đồng, gồm có 27 chân, mỗi tháng khai hụi một lần. Bà Y và ông T tham gia hai chân, chân thứ nhất hốt hụi lần đầu tiên, chân thứ hai đóng hụi sống đến lần thứ 5, thì hốt hụi. Bà Y và ông T có góp hụi chết hai chân và còn nợ lại 17 lần chưa góp x 3.000.000 đồng x 2 = 102.000.000 đồng (*Dây hụi này mẫn vào ngày 30/3/2015 âl*).

8. Ngày 30/02/2013 âl, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 21 chân, mỗi tháng khai hụi một lần. Bà Y và ông T tham gia một chân và hốt hụi lần đầu tiên. Bà Y và ông T có góp hụi chết và còn nợ lại 11 lần chưa góp x 1.000.000 đồng = 11.000.000 đồng (*Dây hụi này mẫn vào ngày 30/9/2014 âl*).

Ngày 10/11/2013, vợ chồng bà Y, ông T còn thiếu nợ cũ 13.000.000 đồng.

Vậy tổng số tiền hụi ông T và bà Y còn nợ là 271.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T trả lại cho bà số tiền hụi 271.000.000 đồng.

Sau khi vợ chồng bà tuyên bố đứng hụi, vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T trả cho vợ chồng bà nhiều lần với số tiền 25.000.000 đồng, trả cho bà Hai V (Vợ ông Hai Tr) bao nhiêu, thì bà không biết.

Tại phiên tòa: Bà Tô Kim M yêu cầu vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T trả cho bà số tiền hụi còn nợ 06 chân hụi 3.000.000 đồng/ tháng, 03 chân hụi 1.000.000 đồng/ tháng và tiền nợ cũ 13.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi còn nợ là 271.000.000 đồng, trả đủ một lần. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Bùi Ngọc Y, đồng thời là người đại diện hợp pháp của NLQ trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có tham gia góp hụi do bà Tô Kim M làm chủ năm 2012 và 2013 gồm 07 phần như sau:

- Dây hụi mở ngày 15/01/2012 âl, hụi 3.000.000 đồng, có 27 chân, vợ chồng bà tham gia một chân và hốt hụi lần đầu tiên, sau khi hốt hụi bà góp hụi chết đến ngày 05/01/2014 âl được 17 lần, còn nợ lại 10 lần, thì bà M tuyên bố úp hụi, bà còn nợ lại bà M số tiền 30.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 30/3/2013 âl, hụi 3.000.000 đồng, có 27 chân, vợ chồng bà tham gia một chân và hốt hụi lần đầu tiên, sau khi hốt hụi bà góp hụi chết đến ngày 05/01/2014 âl được 13 lần, còn nợ lại 8 lần, thì bà M tuyên bố úp hụi, bà còn nợ lại bà M số tiền 24.000.000 đồng.

Vào khoảng năm 2012 âl, vợ chồng bà có tham gia 05 chân, lại hụi 1.000.000 đồng, khi hốt hụi, nghe bà Tô Kim M nói lại mỗi chân là 17.550.000 đồng, trừ vào

số tiền vợ chồng bà nợ bà Tô Kim M, nay vợ chồng bà không nhớ ngày tháng năm do hụi đã mãn cách nay lâu, các phần hụi này vợ chồng bà không còn nợ bà M.

Sau khi bà Tô Kim M tuyên bố úp hụi, thì đến ngày 25/5/2014, bà và bà M cộng sổ vợ chồng bà còn thiếu lại bà M số tiền 38.000.000 đồng, bà M có ghi vào sổ của bà M.

Sau khi cộng sổ với bà M xong, thì bà có trả trực tiếp cho bà M 03 lần với số tiền 14.000.000 đồng, còn nợ lại 24.000.000 đồng. Sau đó bà trả cho chồng bà M là NLQ nhiều lần với số tiền 13.000.000 đồng, còn nợ lại 11.000.000 đồng, trả cho NLC1 (Vợ ông Hai Tr) 04 lần số tiền 11.000.000 đồng. Bà khẳng định hiện nay vợ chồng bà không còn nợ hụi của bà Tô Kim M, nên bà không đồng ý trả. Số tiền hụi tham gia chơi do vợ chồng bà có chiếc võ xiệp bị lỗi, kiểm ngư không cho xiệp, nên không vốn làm ăn, nên có hỏi vay bà tiền bà M, đến thời hạn không trả, nên bà M kêu vô hụi và hốt hụi để trả tiền vay cho bà M, nên bà có tham gia chơi các phần hụi nêu trên và hiện nay đã trả xong.

NLC1 trình bày:

Vào năm 2012 và 2013, bà có tham chơi hụi do bà Tô Kim M và ông Lương Văn H làm chủ, bà tham gia chơi hai dây hụi 3.000.000 đồng. Khi đó bà và bà Bùi Ngọc Y là hụi viên, ngoài ra bà không có tham gia góp cùng với bà Bùi Ngọc Y thêm dây hụi nào khác. Hai dây hụi nói trên bà đóng hụi một dây được 08 lần và dây thứ hai bà đóng được 12 lần, thì bà M tuyên bố bẻ hụi. Khi bà M tuyên bố bẻ hụi, thì bà Y đã hốt hai dây hụi nói trên. Khi bà M tuyên bố bẻ hụi, thì bà M, bà Y tự thỏa thuận là bà Y chịu trách nhiệm trả hụi chết cho bà, nhưng bà Y mới trả cho bà được 7.000.000 đồng, thì bà M kiện bà Y, nên bà Y không trả cho bà nữa. Bà không biết bà Y tham gia chơi hụi do bà M, NLQ làm chủ bao nhiêu dây hụi, bao nhiêu phần hụi. Cách nay quá lâu, bà không nhớ bà M tuyên bố bẻ hụi ngày nào, nhưng bà nghe bà M và bà Y nói lại, bà M tuyên bố bẻ hụi vào tháng 01/2014 âl.

NLC2 trình bày:

Năm 2012 và 2013, bà có tham gia chơi hụi do bà Tô Kim M làm chủ bốn dây hụi loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai hụi một lần. Trong các dây hụi mà bà tham gia thì có bà Bùi Ngọc Y, vợ ông Phạm Văn T cùng tham gia chơi, Đến năm 2014, thì bà M úp hụi, đến nay bà M không tổ chức góp hụi nữa.

NLC3 trình bày:

Năm 2012 bà tham gia chơi do bà Tô Kim M làm chủ, hụi 3.000.000 đồng, bà tham gia 03 chân của ba dây hụi, do lâu quá không nhớ ngày tháng áp hụi. Trong các dây hụi bà tham gia chơi thì có bà Bùi Ngọc Y, vợ ông Phạm Văn T tham gia chơi cùng với các dây hụi bà chơi, việc trả tiền hụi cho bà M đủ hay chưa bà không rõ.

NLC4 trình bày:

Ngày, tháng không nhớ nhưng năm 2012 âl, ông có tham gia góp hụi do bà Tô Kim M làm chủ 03 chân, 03 dây hụi 3.000.000 đồng. Trong 03 dây hụi ông

tham gia, thì bà Bùi Ngọc Y tham gia cùng góp hụi với ông hai đây. Lúc đó, thì bà Y, vợ ông T hốt hụi trước, ông hốt hụi sau. Việc thiếu nợ hụi giữa bà M và bà Y như thế nào thì ông không rõ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Buộc bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T trả cho bà Tô Kim M số tiền hụi chưa góp là 108.000.000 đồng (*Trong đó: Hụi chết trước đến ngày 05/01/2014 âl là 6.000.000 đồng, số tiền hụi chết từ ngày 05/01/2014 âl đến ngày mãn hụi là 102.000.000 đồng*).

Bác một phần yêu cầu của bà Tô Kim M đòi bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T trả tiền hụi chết chênh lệch là 163.000.000 đồng (271.000.000 đồng - 108.000.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2017, bị đơn bà Bùi Ngọc Y có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà Bùi Ngọc Y không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Tô Kim M buộc bà phải trả số tiền 108.000.000 đồng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 07/12/2017, nguyên đơn bà Tô Kim M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét buộc bà Bùi Ngọc Y và ông Phạm Văn T trả cho bà sau khi trừ phần tính nhầm lẫn còn lại là 116.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Bùi Ngọc Y vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, bà không đồng ý trả 108.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Tô Kim M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, bên nguyên đơn ghi tên trong danh sách hụi, giấy giao hụi, nhưng không có ký xác nhận thiếu bao nhiêu tiền. Tòa án tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng, nhưng không triệu tập tại phiên tòa là vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ngược lại, nguyên đơn bà Tô Kim M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét buộc bà Bùi Ngọc Y và ông Phạm Văn T ngoài số tiền đã tuyên buộc trả trong bản án sơ thẩm, còn phải trả thêm cho bà số tiền 116.800.000 đồng.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Kim M, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Ngọc Y và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Tranh chấp giữa vợ chồng bà Tô Kim M, NLQ với vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T xảy ra là do bà Tô Kim M tuyên bố đứng hụi vào ngày 05/01/2014 (âm lịch), quá trình gom hụi giữa bà M và bà Y không thống nhất với nhau về số tiền hụi chết và tiền nợ cũ. Bà M cho rằng bà Y còn thiếu lại bà tổng số tiền 271.000.000 đồng. Còn bà Y thừa nhận có tham gia góp hụi do bà M làm chủ, các dây hụi bà đã lĩnh hụi xong, nhưng bà đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà M, nên không còn thiếu tiền hụi của bà M nữa.

Xét thấy, trong quá trình góp hụi, bà Tô Kim M là chủ hụi, bà Bùi Ngọc Y là hụi viên. Bà M mở rất nhiều dây hụi gồm dây 1.000.000 đồng và 3.000.000 đồng, mỗi tháng mở (khui) hụi một lần, số hụi viên mỗi dây hụi khác nhau, có khi 27 hụi viên, có khi 34 hụi viên. Bà Y thừa nhận trong năm 2012, 2013 có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ, nhưng đã thanh toán đầy đủ cho bà M.

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà M, buộc vợ chồng bà Y, ông T phải trả số nợ hụi cho bà M ba dây hụi 1.000.000 đồng, gồm dây 28, 33 và 21 hụi viên; cùng hai dây 3.000.000 đồng gồm dây 27 và 21 hụi viên. Tổng số tiền năm dây hụi bà Y tham gia sáu phần, còn nợ lại là M 102.000.000 đồng, tiền nợ hụi cũ 6.000.000 đồng, tổng cộng là 108.000.000 đồng. Bà Bùi Ngọc Y kháng cáo cho rằng đã trả hết hụi, không còn nợ bà M. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y không đưa ra được chứng cứ nào mới để xác định là đã thanh toán đầy đủ nợ hụi cho bà M, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Y.

Ngược lại, bà M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà Y, ông T trả cho bà số tiền 108.000.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc vợ chồng bà Y, ông T trả cho bà ba phần của ba dây hụi và nợ cũ là 116.800.000 đồng.

Xét kháng cáo của bà M thấy rằng: Bà Y xác định đã trả số tiền nợ cũ là 32.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh, còn bà M thừa nhận tiền nợ cũ bà Y, ông H còn thiếu lại 38.000.000 đồng, bà Y mới thanh toán được 25.000.000 đồng cụ thể như sau: Bà Y đã trả con dâu NLC1 ba lần: Ngày 18/4 trả 3.000.000 đồng, ngày 24/4 trả 2.000.000 đồng và ngày 02/7 trả 2.000.000 đồng,

tổng cộng là 7.000.000 đồng. Bà Y, ông T trực tiếp trả cho bà M ngày 20/3 = 3.000.000 đồng; ngày 15/5 số tiền 3.000.000 đồng, ngày 20/5 hai lần x 1.500.000 đồng = 3.000.000 đồng; ngày 15/7 và 30/8 trả cho NLQ mỗi lần 2.000.000 đồng; ngày 07/9 trả cho bà M 2.000.000 đồng; ngày 06/10 trả cho bà M 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.000.000 đồng. Như vậy, bà Y, ông T trả cho con dâu NLC1 và vợ chồng bà M, ông H tổng cộng là 25.000.000 đồng, còn thiếu lại 13.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của bà M. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bà M sửa án sơ thẩm buộc vợ chồng bà Y, ông T trả cho bà M tiền nợ cũ là 13.000.000 đồng mới chính xác.

Ngoài ra, bà M cho rằng Tòa sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của bà M hai dây hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây gồm có 34 người chơi vào ngày 25/5/2012 (âm lịch). Bà Y cho rằng hai dây hụi này bà không tham gia, nhưng trong sổ hụi của bà M thể hiện bà Y có tên trong danh sách tham gia. Hơn nữa, những người tham gia chơi chung đều có đơn xác nhận chứng minh bà Y có tham gia hai dây hụi này gồm: Bùi Chí H, Lương Trung K (BL 163), Huỳnh Thị M (Mười A) - (BL 164), Nguyễn Trọng Đ (BL 156), Lương Huyền Nh (BL 157), Lưu Hữu H, Lương Bé T. Do đó, có căn cứ chứng minh bà Y có tham gia cả hai dây hụi 3.000.000 đồng vào ngày 25/5/2012 (âm lịch), gồm 34 hụi viên, còn nợ lại bà Mười 16 lần hụi chết = $[(16 \times 3.000.000 \text{ đồng}) \times 2] = 96.000.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Ngọc Y và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang. Buộc vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T phải thanh toán cho bà Tô Kim M số tiền nợ hụi cũ và tiền nợ hụi chết là 102.000.000 đồng + 13.000.000 đồng + 96.000.000 đồng = 211.000.000đ (*Hai trăm mười một triệu đồng*) và tính lại án phí cho phù hợp.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng bà Bùi Ngọc Y và ông Phạm Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền trả cho bà Tô Kim M là 211.000.000 đồng = 10.550.000 đồng.

Bà Tô Kim M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền bị Tòa bác yêu cầu 60.000.000 đồng = $(271.000.000 \text{ đồng} - 211.000.000 \text{ đồng})$ là 3.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Kim M và Bùi Ngọc Y không phải nộp. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà M và bà Y.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 147, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 13, 16, 28, 30 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Tô Kim M.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Ngọc Y.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa nguyên đơn bà Tô Kim M với đồng bị đơn bà Bùi Ngọc Y và ông Phạm Văn T.

Buộc vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Tô Kim M, NLQ số tiền hội chết chưa góp và tiền nợ hội cũ tổng cộng là 211.000.000đ (*Hai trăm mười một triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu của bà Tô Kim M đòi vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T phải trả tiền hội chết chênh lệch 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*); (271.000.000 đồng - 211.000.000 đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng bà Bùi Ngọc Y, ông Phạm Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 10.550.000đ (*Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc bà Tô Kim M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.000.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.775.000đ (*Sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000136 ngày 29/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM, tỉnh Kiên Giang. Bà M còn được nhận lại số tiền 3.775.000đ (*Ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Tô Kim M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008543 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại cho bà Bùi Ngọc Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008521 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện AM;
- THA dân sự huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thi